

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS-PT

Ngày: 11/5/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng*

vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Quang.

Các Thẩm phán: Ông Mai Tấn Hoàng và bà Vũ Ngọc Hà.

- *Thư ký phiên tòa:* Nguyễn Thị Thanh Trà –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên:* Ông Lê Minh Chánh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2019/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2019/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 56/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị E1, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Linh, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu phố P, phường X1, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Trương Viết H1, sinh năm 1962 và Trần Thị Kim H, sinh năm 1964; Nơi cư trú : Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Bà H có mặt; ông H1 có đơn xin vắng mặt.

3. Người kháng cáo: bị đơn bà Trần Thị Kim H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 21/02/2019, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị E1 trình bày như sau:

Do chỗ quen biết nên ngày 01/9/2018 âm lịch, bà Nguyễn Thị E1 có cho vợ chồng ông bà Trương Viết H1, Trần Thị Kim H vay số tiền 130.000.000đ để xoay sở

công việc làm ăn; bà H có viết giấy mượn tiền và hứa khi nào bà E1 yêu cầu thì vợ chồng ông H1, bà H sẽ trả. Sau khi bà E1 yêu cầu trả tiền thì vợ chồng ông H1, bà H lần tránh không trả nên bà E1 khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Kim H phải trả nợ cho bà Nguyễn Thị E1 số tiền 130.000.000đ.

Bị đơn Trần Thị Kim H trình bày: Bà H thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị E1 hai lần, mỗi lần 20.000.000đ, tổng cộng 40.000.000đ nhưng viết giấy mượn tiền thành số tiền 130.000.000đ, trong đó có 90.000.000đ tính tiền lãi trong tương lai. Nay bà E khởi kiện thì bà H đồng ý trả 40.000.000đ. Khi vay tiền, bà H có đưa cho bà E giấy đăng ký kinh doanh và hợp đồng bảo hiểm nhưng hai loại Giấy tờ này đã hết hạn, không còn giá trị, tại thời điểm vay tiền của bà E1 thì bà H đã ngừng kinh doanh hơn 02 năm; khoản vay này không liên quan gì đến ông Trương Viết H1.

Bị đơn ông Trương Viết H1 trình bày: Ông không liên quan đến khoản nợ này của bà H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2019/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã S đã quyết định: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 463, 466 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị E1: Buộc bà Trần Thị Kim H phải trả cho bà Nguyễn Thị E1 số tiền còn nợ của Hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi ngày 09/10/2018 (ngày 01/9/2018 âm lịch): Nợ gốc: 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10 tháng 11 năm 2019, bị đơn bà Trần Thị Kim H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn và người được nguyên đơn uỷ quyền đều vắng mặt.
- Bị đơn bà Trần Thị Kim H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tiến hành tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn và người được nguyên đơn ủy quyền không có kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ ba, nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn xét xử vụ án.

[2] *Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Kim H chỉ đồng ý trả nợ cho bà Nguyễn Thị E1 40.000.000đ*: Bị đơn bà Trần Thị Kim H thừa nhận “Giấy mượn tiền” ngày 01/9/2018 (tại bút lục số 64) có nội dung “Hôm nay vào lúc 2h ngày 01/9/2018 AL. Tôi tên Trần Thị Kim H, sinh năm 1964. Hộ khẩu thường trú: P.Lý, phường X1, thị xã S. Bản thân tôi có tự nguyện mượn của bà Nguyễn Thị E1, sinh năm 1958. Trú tại: Khu phố P, phường X1, thị xã S. Với số tiền là 130.000.000 bằng chữ (Một trăm ba mươi triệu đồng chẵn). Mục đích để buôn bán. Tôi xin cam đoan sẽ hoàn trả lại số tiền này vào ngày ...Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật với nội dung trên. Người mượn ký tên. Trần Thị Kim H” là do bà H viết và ký tên, nhưng cho rằng do bị đe dọa và cưỡng ép viết giấy mượn tiền –số tiền thực mượn là 40.000.000đ, còn lại 90.000.000đ là tiền lãi trong tương lai.

Tại Công văn số 42/CV-BC9(CQCSĐT) ngày 09/9/2019 của Công an thị xã S có nội dung “Ngày 15/8/2019, Cơ quan CSĐT Công an thị xã S có tiếp nhận đơn tố giác của bà Trần Thị Kim H, tố cáo bà Nguyễn Thị E1 có các hành vi “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự; Cưỡng đoạt, đe dọa và cưỡng ép bà H viết giấy mượn tiền ...” ...Xét thấy sự việc nêu trong đơn tố giác không có dấu hiệu hình sự. Do đó, cơ quan CSĐT Công an thị xã S ban hành văn bản thông báo trả lời cho bà H biết theo quy định”.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bà H không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh trong số tiền 130.000.000đ có 90.000.000đ là tiền lãi trong tương lai và không chứng minh được việc viết Giấy mượn tiền là bị đe dọa, ép buộc; đồng thời cũng không có chứng cứ, chứng minh đã trả số tiền mượn 130.000.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn bà E1 số tiền 130.000.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể thỏa mãn yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Kim H.

[3] *Về án phí*: Bị đơn bà Trần Thị Kim H không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Kim H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị E1: Buộc bà Trần Thị Kim H phải trả cho bà Nguyễn Thị E1 số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) về khoản nợ tại Giấy mượn tiền ngày 01/9/2018 âm lịch.

[2] Về án phí: Buộc bà Trần Thị Kim H phải chịu 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tại Biên lai thu tiền số 0000437 ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị E1 số tiền 3.250.000đ (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp có tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 6788 ngày 26/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND Tx. S (2);
- CCTHADS Tx. S;
- P.GĐKT;
- VP-TNV;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Quang